TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2021/DS - PT
Ngày 30 - 9 - 2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Hà
- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Đức Nam
Ông Ma Ngọc Trung

- *Thư ký phiên toà:* Bà La Thu Thảo - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:* Bà Nguyễn Hữu Tình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 28, 29 và 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2021/TLPT - DS, ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 67/2021/DS-ST, ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố TQ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2021/QĐ-PT, ngày 12 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Thôn A, xã K, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt tại phiên tòa.*

2. Bị đơn: Bà **Tiêu Thị K**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số nhà 03, tổ 06, phường P, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1976 – Luật sư thuộc VPLS DT– Đoàn luật sư thành phố HN.

Địa chỉ: phòng 27.08, tòa nhà M5, số 91 đường N, phường L, quận Đ, TP HN. *Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Tiêu Thị H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn 12, xã K, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 23, ngõ 40 đường T, phường D, quận C, thành phố HN. *Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.*

4. Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Xóm 4, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Chị Vũ Hồng V, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Chị Đặng Thị Phương T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số nhà 209, tổ 17, phường T, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1941;

Địa chỉ: Thôn A, xã K, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Q, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông M vắng mặt tại phiên tòa. Chị V có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

5. Người kháng cáo: Bị đơn bà Tiêu Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và bà Tiêu Thị K là bạn bè chơi thân với nhau, vào ngày 01/3/2018 bà K nói gia đình có việc nên cần tiền và hỏi vay bà số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), hai bên thoả thuận về lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng, thời hạn trả tiền vào ngày 31/12/2018. Khi vay tiền của bà, bà K có viết giấy vay tiền thể hiện các nội dung đã thỏa thuận. Quá thời hạn thanh toán, bà đã nhiều lần đòi tiền nhưng bà K khất nợ và vẫn chưa trả, vì vậy bà khởi kiện đến Toà án yêu cầu bà K trả cho bà số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và tiền lãi với mức lãi suất 0,8%/tháng, tạm tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/8/2020 là 20 tháng, số tiền lãi là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.160.000.000 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án bà T bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà K phải trả số tiền vay gốc là 1.000.000.000 đồng và yêu cầu bà K phải trả tiền lãi của số tiền vay kể từ ngày vay tiền cho đến ngày 06/ 03/2021 là 36 tháng với mức lãi suất 0,8%/tháng là 288.000.000 đồng nhưng trừ đi số tiền lãi bà đã nhận do chị H trả là 80.000.000 đồng. Trong giấy vay tiền trên, chị Tiêu Thị H là người ký tên ghi đồng trách nhiệm trả nợ, chị H là cháu của bà K. Khi bà K vay tiền của bà, chị H có mặt nhưng chị H chỉ là người làm chứng chứ bà không cho chị H vay số tiền này, còn chị H tự ghi là người đồng trách nhiệm trả nợ bà không để ý. Trước ngày 01/3/2018 chị H cũng đã vay của bà số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), sau đó chị H có hỏi vay thêm 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) nữa nhưng bà yêu cầu phải do bà K vay tiền thì bà mới cho vay vì bà K là người có tài sản và uy tín. Nay bà xác định bà K là người vay tiền của bà nên phải thanh toán cho bà khoản tiền trên. Việc chị H và bà K trao đổi với nhau như thế nào bà không biết.

Bị đơn bà Tiêu Thị K trình bày:

Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 05/3/2018, tại Văn phòng bảo hiểm C (địa chỉ: Số 135, đường T, thành phố TQ). Bà Nguyễn Thị T và chị Tiêu Thị H (là

cháu bà K) có thoả thuận với nhau về việc vay tiền, bà T có yêu cầu bà viết giúp giấy vay tiền cho chị H vì bà là bác của chị H, bà đồng ý và viết giấy vay tiền (tờ giấy vay tiền mà bà T đã nộp kèm theo đơn khởi kiện đến Toà án). Nhưng thực tế bà không được nhận tiền từ bà T, việc vay tiền và trả tiền cho bà T như thế nào là do chị H trực tiếp giao dịch, bà không biết. Khi thoả thuận về việc viết giấy giúp chị H, bà có nói với bà T và chị H là bà chỉ chịu trách nhiệm đến hết ngày 31/12/2018, bà T cũng đồng ý. Ngoài ra, chị H cũng đã nói nhiều lần với bà T về giấy vay tiền do bà K viết là chị H có trách nhiệm trả nợ toàn bộ số tiền đó, bà chỉ là người viết hộ giấy vay. Vì vậy, bà không đồng ý về yêu cầu khởi kiện của bà T. Về việc bà chỉ viết giấy vay tiền hộ chị H vào ngày 05/3/2018 mà bà không được nhận khoản tiền nào, có những người làm chứng: Chị Vũ Hồng V, chị Đặng Thị Phương T và anh Nguyễn Xuân Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tiêu Thị H trình bày:

Vào thời gian tháng 6/2017 chị thành lập Văn phòng bảo hiểm C tại Tuyên Quang, bà Nguyễn Thị T và con gái Nguyễn Thị Thu H có tham gia làm tư vấn. Bà T có cho chị vay số tiền 50.000.000 đồng, sau đó chị có vay thêm của bà T vài lần nữa có lúc 100.000.000 đồng, có lúc vay 200.000.000 đồng, hai bên thoả thuận miệng lãi suất là 4%/tháng. Do hàng tháng cộng tiền lãi vào gốc nên đến tháng 3/2018 số tiền chị nợ bà T là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Lúc này bà T nói rằng phải có người đứng ra bảo đảm, chị và bà T cùng thống nhất nhờ bà Tiêu Thị K (là bác của chị) đứng ra viết giấy vay. Về bản chất chị không nhận trực tiếp số tiền 1.000.000.000 đồng này cùng ngày viết giấy vay tiền và bà K cũng không được nhận tiền, do chị và bà T nhờ nên bà K viết và cũng đã thoả thuận bà K chỉ chịu trách nhiệm đến hết ngày 31/12/2018, sau ngày này trách nhiệm thuộc hoàn toàn về chị. Nay bà T kiện bà K, chị nhận trách nhiệm thanh toán số tiền này cho bà T vì chị là người giao dịch trực tiếp với bà T. Chị đã vay tiền của bà T nhiều lần và cộng dồn vào thành số tiền một tỷ đồng, trước ngày 05/3/2018 chị cũng viết cho bà T 01 giấy vay tiền của số tiền này nhưng bà T không yên tâm nên ngày 05/3/2018 bà T yêu cầu phải có bà K viết giấy vay tiền.

Những người làm chứng trình bày:

- Anh Nguyễn Xuân Q: Năm 2017 anh làm việc tại Công ty Bảo hiểm C tại số 135, đường T, thành phố TQ nên có quen biết bà Tiêu Thị K và bà Nguyễn Thị T. Khoảng 10 giờ ngày 05/3/2018, bà T đến văn phòng công ty có trao đổi việc vay tiền với chị Tiêu Thị H, sau đó bà T và chị H cùng nhờ bà Tiêu Thị K viết giấy vay tiền, anh không nhìn thấy việc giao tiền giữa ba người. Sau khi bà K viết giấy vay tiền, bà T cất giấy và sổ sách vào túi rồi đi về.

- Chị Vũ Hồng V: Trong thời gian năm 2017 chị làm việc tại Công ty Bảo hiểm C tại số 135, đường T, thành phố TQ. Vào khoảng 10 giờ ngày 05/3/2018, khi chị đang ở văn phòng thì thấy bà Nguyễn Thị T đến văn phòng công ty gặp chị Tiêu Thị H trao đổi việc vay tiền, sau đó bà T và chị H cùng nhờ bà Tiêu Thị K viết giấy vay tiền, sau đó bà T cất sổ sách vào túi rồi đi về. Chị không nhìn thấy việc giao tiền giữa bà T, bà K và chị H tại văn phòng Công ty.

- Chị Đặng Thị Phương T: Năm 2017 chị làm việc tại Công ty Bảo hiểm C tại số 135, đường T, thành phố TQ nên có quen bà Tiêu Thị K và bà Nguyễn Thị T. Ngày 05/3/2018, chị đến văn phòng làm thủ tục cắt code thì thấy bà Tvà chị H trao đổi việc vay tiền, sau đó bà T và chị H đề cập đến việc nhờ bà K đứng tên trên giấy vay tiền, chị không nhìn thấy việc bà T giao tiền cho bà K hay chị H.

Vụ kiện trên đã được Toà án nhân dân thành phố TQ thụ lý, hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2021/DS - ST, ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố TQ đã quyết định: Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; 147, 161, 162, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005; Điều 357, 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Tiêu Thị K có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng);* tiền lãi 208.000.000 đồng *(Hai trăm linh tám triệu đồng)*. Tổng cộng là 1.208.000.000 đồng *(Một tỷ hai trăm linh tám triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Bà K là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí. Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/6/2021, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn bà Tiêu Thị K. Đơn kháng cáo có nội dung: Bị đơn bà Tiêu Thị K kháng cáo không nhất trí với bản án dân sự sơ thẩm số 67/2021/DS - ST, ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố TQ với lý do: Bà là người viết giấy vay nợ bà T 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) nhưng bà chỉ là người viết hộ cho chị Tiêu Thị H vay bà T và bà không được nhận bất cứ đồng tiền nào từ bà T. Trong giấy vay nợ chị H có ký và ghi rõ họ tên là người đồng trả nợ và bà chỉ chịu trách nhiệm đến hết ngày 31/8/2018.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm ngày 02/8/2021 bị đơn bà Tiêu Thị K có đơn đề nghị thu thập tài liệu chứng cứ, chị Tiêu Thị H có văn bản ý kiến đề nghị thu thập sao kê tài khoản của bà Nguyễn Thị T tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Tuyên Quang để xác định chị H đã chuyển khoản số tiền 600.000.000 đồng trả vào tài khoản cho bà T. Tại văn bản số 1385/BIDV.TQ ngày 12/8/2021 của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Tuyên Quang đã cung cấp cho Tòa án bản in sao kê giao dịch của tài khoản của bà Nguyễn Thị T và tài khoản của chị Tiêu Thị H mở tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Tuyên Quang xác định ngày 06/9/2019 chị H có chuyển tổng số tiền 600.000.000 đồng vào tài khoản số 34110000926147 của bà T tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Tuyên Quang trong đó

02 lần chuyển mỗi lần số tiền 200.000.000 đồng, một lần chuyển 130.000.000 đồng và 01 lần chuyển số tiền 70.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Tiêu Thị K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Tiêu Thị H đều cho rằng do cần tiền mở và phát triển văn phòng bảo hiểm nên chị H có vay tiền của bà Nguyễn Thị T nhiều lần, tổng số tiền vay từ tháng 6/2017 đến ngày 05/3/2018 là 01 tỷ đồng. Đầu tháng 3/2018, bà T yêu cầu chị H phải trả hết số tiền nợ cho bà T, muốn có thời gian để trả nợ thì phải có người có uy tín và có tài sản nhận nợ thay thì bà T mới đồng ý, bà T có gợi ý cho chị H nhờ bà K là bác họ của chị H vì bà K là người có uy tín và có tài sản nhà đất. Vào sáng ngày 05/3/2018 tại văn phòng bảo hiểm tại Văn phòng bảo hiểm C (địa chỉ: Số 135, đường T, thành phố TQ). Chị Tiêu Thị H và bà Nguyễn Thị T và có thoả thuận với nhau về việc trả nợ thì thấy bà K đến nên có mời bà K vào nói chuyện, chị H và bà T có đặt vấn đề nhờ bà K viết giấy nhận nợ thay theo hình thức viết giấy vay tiền để chị có thời gian xây dựng và thúc đẩy các sản phẩm bảo hiểm, sau khi cân nhắc phần vì nể và tin tưởng chị H, phần vì mong muốn mọi người trong công ty yên tâm làm việc nên bà K đã nhất trí viết giúp giấy vay tiền cho chị H. Chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền là của bà K. Sau khi bà K viết giấy vay tiền, chị H có viết dòng chữ "*Đồng trách nhiệm trả nợ"* ký và ghi rõ họ tên vào dưới nội dung vay tiền bà K đã viết để thể hiện khoản nợ này là của chị H và chị H cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà T, lý do không viết tên chị H trong giấy vay tiền là do bà T không nhất trí. Sau khi bà K viết giấy vay tiền thì chị H là người trả tiền lãi hàng tháng cho bà T, chị H cho rằng thực tế chị trả lãi cho bà T số tiền 40.000.000 đồng/tháng trả được 07 tháng từ tháng 3/2018 đến tháng 10/2018 là 280.000.000 đồng nhưng khi trả lãi hai bên không viết giấy tờ gì, nay bà T chỉ thừa nhận nhận tiền lãi của hai tháng số tiền 80.000.000 đồng. Từ tháng 10 năm 2018 do việc kinh doanh không hiệu quả nên chị H không trả được tiền lãi cho bà T nữa. Bà T gây áp lực yêu cầu chị H phải viết giấy vay tiền để thay thế giấy vay tiền ngày 05/3/2018 do bà K viết vì sắp hết thời hạn là ngày 31/12/2018 nên ngày 01/12/2018 chị H lại viết giấy vay số tiền 01 tỷ đồng và chị yêu cầu bà T phải hủy bỏ giấy vay tiền ngày 05/3/2018, bà T hứa sẽ bỏ đi chị không ngờ bà T lại dùng giấy vay tiền này để khởi kiện yêu cầu bà K trả tiền.

Đến ngày 06/9/2019 khi chị H được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền 800.000.000 đồng chị đã chuyển trả cho bà T số tiền 600.000.000 đồng vào tài khoản số 34110000926147 của bà T tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Tuyên Quang, chị chuyển 04 lần cùng vào buổi sáng ngày 06/9/2019 trong đó 02 lần chuyển mỗi lần số tiền 200.000.000 đồng, 01 lần chuyển 130.000.000 đồng và 01 lần chuyển số tiền 70.000.000 đồng, chị khẳng định số tiền này chị chuyển trả vào khoản vay của bà K với bà T. Chị H và bà K đã có đơn đề nghị Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ là sao kê tại ngân hàng tài khoản của chị H và bà T để xác định số tiền chị H đã trả chuyển trả cho bà T.

Còn bà Nguyễn Thị T thì cho rằng do cần tiền mở rộng kinh doanh chị H có hỏi vay bà số tiền 01 tỷ đồng nhưng bà không cho vay, bà nói với H và bà K nếu bà K vay tiền thì bà mới cho vay, sau khi chị H và bà K bàn bạc bà K nhất trí viết giấy vay tiền của bà. Việc thỏa thuận vay tiền tại Văn phòng bảo hiểm C, bà K là

người viết giấy vay tiền và ký vào giấy vay, lúc đó chị H cũng có mặt với vai trò là người làm chứng và ký vào giấy vay tiền, nội dung chị H viết đồng trách nhiệm trả nợ bà không biết, bà cũng không đồng ý vì bà đã nói rõ bà chỉ đồng ý cho bà K vay tiền. Bà đã giao đủ số tiền vay cho bà K và chị H, một lần giao số tiền 500.000.000 đồng tại Văn phòng bảo hiểm C do bà K và H nhận, một lần giao tại nhà bà cũng do bà K và H nhận nhưng bà không nhớ thời gian cụ thể. Sau khi vay tiền bà mới nhận được tiền lãi 02 tháng của số tiền bà K vay là 80.000.000 đồng do chị H trả cho bà bằng tiền mặt tại văn phòng bảo hiểm, ngoài ra bà không được nhận khoản tiền nào khác.

Bà T xác định ngày 06/9/2019 chị H có chuyển số tiền 600.000.000 đồng vào tài khoản của bà tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Tuyên Quang nhưng chị H chuyển để trả cho các khoản nợ khác mà chị H vay của bà (bà nộp cho Tòa án bản phô tô các giấy vay tiền do chị H viết, các giấy vay này đều của chị H vay tiền bà trước ngày 06/9/2019), chứ không phải trả vào khoản tiền bà K vay của bà, ngoài ra bà còn xuất trình bản án số 29/2021/DS-ST ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố TQ trong đó thể hiện nội dung chị H trình bày: *"... ngày 06/9/2019 chị đã 4 lần chuyển vào tài khoản số 34110000926147 của bà T tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Tuyên Quang với tổng số tiền là 600.000.000 đồng trong đó trong đó có 100.000.000 đồng chị H trả thay cho phần chị B nợ bà T, còn 500.000.000 đồng là chị H trả vào các khoản vay của chị với bà T trước đó.."*. Bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Tiêu Thị K cho rằng bản án sơ thẩm có nhiều vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ, cụ thể: Bản án số 67/2021/DS-ST của Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy vay tiền do bà K viết để buộc bà K trả số tiền vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) là vi phạm Điều 463, khoản 1 Điều 465, Khoản 1 Điều 466 và 468 Bộ luật dân sự vì theo quy định tại Điều 463 BLDS "*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"*. Tuy ở đây có sự thỏa thuận của các bên về việc vay tiền nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ được bên cho vay giao tài sản cho bên vay. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn khai rất mâu thuẫn về việc giao nhận tiền, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định không có việc giao tiền trong ngày 05/3/2018 và ngày 06/3/2018 như nguyên đơn trình bày, những người làm chứng xác định không có việc giao tiền giữa các bên khi viết giấy vay tiền. Bên cho vay không thống nhất lời khai về đối tượng nhận tiền, số lượng tiền giao, mệnh giá tiền giao, mục đích giao tiền, loại tiền giao. Như vậy có thể khẳng định thực tế không có việc giao tiền trước, trong và sau khi viết giấy vay tiền. Nguyên đơn không thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay nên không có quyền khởi kiện yêu cầu trả tiền. Thứ hai là bản án sơ thẩm không xem xét đánh giá toàn diện vụ án không xem xét đến việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ký đồng trách nhiệm trả nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị

đơn theo hướng sửa bản án sơ thẩm số 67/2021/DS-ST của TAND thành phố TQ, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn bà Tiêu Thị K là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Tiêu Thị K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 67/2021/DS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố TQ.

Về án phí: Bà Tiêu Thị K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng bà K là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 02/6/2021, bà Tiêu Thị K có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2021/DS - ST, ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố TQ. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định. Bà Tiêu Thị K được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, đơn kháng cáo của bị đơn là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Nội dung vụ án:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Tiêu Thị K Hội đồng xét xử thấy:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu bị đơn là bà Tiêu Thị K có nghĩa vụ thanh toán cho bà T số tiền gốc đã vay là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và tiền lãi suất tính từ ngày vay tiền 06/3/2018 đến ngày 06/3/2021 là 36 tháng, với mức lãi suất 0,8%/tháng tính trên số tiền gốc là 288.000.000 đồng, trừ đi số tiền lãi mà bà Tđã nhận là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng),* số tiền lãi còn lại mà bà K phải trả là 208.000.000 đồng *(Hai trăm linh tám triệu đồng)*; tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 1.208.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm linh tám triệu đồng).* Tài liệu chứng cứ nguyên đơn xuất trình là giấy vay tiền ghi ngày 01/3/2018 có nội dung *" ...Tôi tên là Tiêu Thị K, cư trú tại số nhà 03 tổ 6 phường P có vay của chị Nguyễn Thị T cư trú tại Sông Lô 9 xã A, TPTQ, tỉnh Tuyên Quang số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn). Lãi xuất theo lãi xuất đã thỏa thuận. Thời hạn vay cho đến hết ngày 31/12/2018. Đến thời hạn trên tôi sẽ có trách nhiệm hoàn trả cho chị T. Người viết giấy vay tiền Tiêu Thị K".* Phía dưới góc bên trái của giấy vay tiền do bà K viết có dòng chữ *"Đồng trách nhiệm trả nợ"* và chữ ký, họ tên của người viết là Tiêu Thị H.

Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thừa nhận giấy vay tiền này do bà K viết, ký tại Văn phòng bảo hiểm C (địa chỉ: Số 135, đường T, thành phố TQ) vào ngày 05/3/2018. Khi thỏa thuận vay tiền và viết giấy vay tiền có mặt bà T, bà K, chị H và các nhân viên tư vấn bảo hiểm như anh Nguyễn Xuân Q, chị Vũ Hồng V, chị Đặng Thị Phương T có mặt chứng kiến. Tuy nhiên các bên thống nhất sửa ngày vay trong giấy vay tiền thành ngày 01/03/2018 để tiện cho việc tính lãi theo tháng (BL 129). Như vậy có cơ sở xác định có việc thỏa thuận vay tiền và viết giấy vay tiền giữa bà bà Tiêu Thị K và bà Nguyễn Thị T vào ngày 05/3/2018 tại Văn phòng bảo hiểm C (địa chỉ: Số 135, đường T, thành phố TQ).

Trong giấy vay tiền do bà K viết ngày 05/3/2018 thể hiện rõ tên người vay là Tiêu Thị K, người cho vay là bà Nguyễn Thị T, số tiền vay, lãi suất và thời hạn thanh toán, không có nội dung nào thể hiện bà K viết hộ giấy vay tiền chị H theo yêu cầu của bà T và không có sự thỏa thuận bà K chỉ chịu trách nhiệm với số tiền vay đến ngày 31/12/2018, sau ngày này trách nhiệm trả nợ thuộc về chị H như lời khai bà K trình bày. Quá trình giải quyết vụ án bà K không đưa ra được căn cứ chứng minh cho ý kiến của mình, bà là người viết hộ giấy vay tiền do bà T và chị H yêu cầu. Bản tự khai, tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bà K xác nhận bà là người viết giấy vay tiền, viết tại Công ty Bảo hiểm có nhiều người làm việc, bà minh mẫn, tỉnh táo không bị hạn chế về nhận thức và năng lực trách nhiệm dân sự, không bị ai đe dọa, lừa dối ép buộc, bà ý thức được việc mình làm, nhận thức được hậu quả hành vi mình nhưng bà vẫn thực hiện điều đó thể hiện ý chí và và sự tự nguyện của bà khi viết giấy vay tiền.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà K xác định lý do bà viết giấy vay tiền ngày 05/3/2018 là *" ...do chị H lúc đó là người đứng đầu công ty, công ty đang làm ăn tốt chị H cần tiền để đầu tư tôi nghĩ chị H cần tiền mà H lại là cháu của tôi nên tôi mới viết giấy đó để chị H làm ăn...."* (BL 127). Trong bản trình bày ý kiến ngày 18/8/2021 của bà Tiêu Thị K và tại phiên tòa phúc thẩm bà K trình bày *" Ngày 05/3/2018...chị H và bà T có nhờ tôi đứng ra viết giấy vay tiền hộ chị H, vì bà T nói chị H đã vay nhiều tiền và vay nhiều lần rồi nên giờ bà T chỉ đồng ý cho chị H vay tiếp nếu tôi đứng tên trên giấy vay tiền. Tôi chỉ nghĩ H là con cháu trong nhà, lại đang kinh doanh giỏi, còn bà T là chị em với nhau trong công ty nên tôi tin tưởng hai người và đồng ý đứng trên giấy vay tiền..."*. Như vậy bà K hiểu rất rõ việc bà T không đồng ý cho chị H vay tiền, bà T chỉ đồng ý khi bà K là người viết giấy vay tiền của bà T, bà K đã tự nguyện viết giấy vay tiền của bà T để H có tiền phát triển kinh doanh. Như vậy, có căn cứ xác định bà K có vay tiền của bà T vào ngày 05/03/2018 số tiền vay 01 tỷ đồng.

Các bên đương sự không xuất trình được giấy giao nhận tiền giữa người cho vay, người vay và trình bày khác nhau về thời gian địa điểm giao nhận tiền số tiền vay. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy ngay trong giấy vay tiền bà K viết bà K đã xác nhận việc có vay tiền của bà T số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ chẵn). Từ khi bà K viết giấy vay tiền của bà T bà K không có ý kiến gì về việc không được nhận số tiền vay của bà T, bà thừa nhận chị H là cháu bà đã trả tiền lãi của số tiền bà vay hàng tháng cho bà T từ tháng 3/2018 đến tháng 9/2018 mỗi tháng 40.000.000 đồng, tổng cộng là 280.000.000 đồng nhưng do không viết giấy giao tiền nên bà T chỉ thừa nhận được nhận số tiền lãi của hai tháng là 80.000.000

đồng. Bản thân bà K và chị H còn cho rằng chị H đã chuyển khoản từ tài khoản mang tên chị H đến số tài khoản mang tên bà T số tiền 600.000.000 đồng để trả vào khoản tiền bà K viết giấy vay của bà T ngày 05/3/2018 và có đơn đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ tài liệu để chứng minh việc trả nợ. Như vậy không có căn cứ xác định bà K không được nhận số tiền vay 01 tỷ đồng trong giấy vay tiền ngày 05/03/2018.

Mặc dù trong giấy vay tiền do bà K viết ngày 05/3/2018 có dòng chữ Đồng trách nhiệm trả nợ ở phía dưới của giấy vay tiền do chị H viết, bà K cho rằng chị H là người vay tiền và phải trả toàn bộ khoản tiền này cho bà T. Chị H cũng thừa nhận chị ghi vào giấy vay tiền là đồng trách nhiệm trả nợ tức là chị là người vay tiền và chịu trách nhiệm trả tiền cho bà T mà không phải bà K. Tuy nhiên bà T không thừa nhận nội dung này bà cho rằng ngay từ đầu bà đã nói rõ với bà K và chị H là chỉ đồng ý cho bà K vay tiền không đồng ý cho chị H vay tiền, H chỉ ký là người làm chứng của việc vay tiền giữa bà K và bà. Hội đồng xét xử thấy trong giấy vay tiền chỉ thể hiện nội dung bà K vay của bà T số tiền 01 tỷ đồng, tại phiên tòa bà T, bà K và chị H đều thừa nhận khi bà K thỏa thuận vay tiền và viết giấy vay tiền của bà T tại văn phòng bảo hiểm chị H cũng có mặt, chị H cũng thừa nhận lý do không ghi tên chị là người vay tiền trong giấy vay tiền là do bà T không nhất trí. Quá trình giải quyết vụ án bà T luôn khẳng định bà chỉ cho bà K vay tiền, không đồng ý cho H vay tiền và yêu cầu bà K trả tiền. Như vậy, cho thấy giữa bà T và chị H không có sự thỏa thuận về việc vay tiền do đó không phát sinh nghĩa vụ của người vay tiền.

Chị H cho rằng khoản tiền vay 01 tỷ trong giấy vay tiền bà K viết ngày 05/3/2018 do các bên thỏa thuận bà K chỉ chịu trách nhiệm đến ngày 31/12/2018 nên gần hết thời hạn đó bà T luôn gây áp lực buộc chị phải viết giấy vay tiền nhận lại khoản nợ 01 tỷ đồng trong giấy vay tiền ngày 05/3/2018 do bà K viết. Do đó chị đã viết giấy vay tiền ghi ngày 01/12/2018 để thay thế giấy vay tiền ngày 05/3/2018 do bà K viết, do khi viết giấy vay này là viết tại văn phòng bảo hiểm nên chị có yêu cầu bà T phải hủy bỏ giấy vay tiền bà K viết ngày 05/3/2018 và bà T nhất trí, vì tin tưởng bà T nên chị không kiểm tra lại. Tuy nhiên, chị H không đưa ra được căn cứ chứng minh sự thỏa thuận giữa các bên về việc nhận lại khoản nợ nên không có cơ sở xem xét.

Tại cấp phúc thẩm chị H và bà K cung cấp các bảng sao kê của Ngân hàng thể hiện ngày 06/9/2019 chị H đã có 04 lần giao dịch chuyển vào tài khoản số 34110000926147 mang tên chủ tài khoản Nguyễn Thị T số tiền 600.000.000 đồng. Theo chị H đây là khoản tiền chị H trả nợ cho bà K theo giấy vay tiền ngày 05/3/2018. Tuy nhiên bà T cung cấp các các tài liệu chứng cứ chứng minh số tiền 600.000.000 đồng chị H trả bà là các khoản tiền chị H vay của bà bao gồm các giấy vay (bản phô tô): Ngày 5/01/2019 vay 286.000.000 đồng, ngày 20/4/2019 vay 50.000.000 đồng, ngày 24/6/2019 vay 120.000.000 đồng, ngày 27/6/2019 vay 50.000.000 đồng, tổng cộng: 506.000.000 đồng. Ngoài ra bà T còn cung cấp Bản án số 29 ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố TQ trong đó thể hiện nội dung chị H xác nhận ngày 6/9/2019 chị đã 4 lần chuyển vào tài khoản của bà T 600.000.000 đồng trong đó có 100.000.000 đồng chị H trả thay cho B nợ bà T,

còn 500.000.000 đồng là số tiền chị H trả nợ các khoản chị vay bà T trước đó. Chị H không có ý kiến gì về các giấy vay bà T xuất trình. Do đó không có căn cứ xác định số tiền chị H chuyển vào tài khoản của bà T tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Tuyên Quang là trả vào số tiền bà K vay của bà T.

Ngoài ra tại cấp phúc thẩm bà K xuất trình hai văn bản ghi lại nội dung ghi âm cuộc trao đổi giữa bà T, bà K ngày 25/8/2019 và cuộc trao đổi giữa bà T, bà K và chị H vào ngày 13/9/2019 và văn bản trình bày về xuất xứ tài liệu ghi âm, tại phiên tòa phúc thẩm bà T thừa nhận nội dung bản ghi âm bà K xuất trình là đúng. Tuy nhiên, các nội dung ghi âm việc trao đổi giữa bà K với bà T, giữa bà K, chị H với bà T không có gì khác với nội dung các bên đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Như vậy căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm có cơ sở xác định bà K là người vay tiền của bà T, bà phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay và số tiền lãi cho bà T theo quy định. Việc bà K và chị H có thoả thuận về việc số tiền vay của bà Tlà chị H sử dụng. Đây là mối quan hệ dân sự giữa bà K và chị H, bà K có quyền khởi kiện chị H bằng vụ án dân sự khác.

Về yêu cầu trả tiền lãi: Tại phiên toà, bà K xác định chị H là người đã trả tiền lãi của số tiền bà viết giấy vay tiền cho bà T, chị H cho rằng chị đã trả tiền lãi của 07 tháng cho bà T là 280.000.000 đồng khi trả lãi không có giấy tờ tuy nhiên bà T chỉ thừa nhận được nhận số tiền lãi do chị H trả của khoản tiền bà K vay là 80.000.000 đồng. Do các bên không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên chỉ chấp nhận bà T đã nhận số tiền lãi là 80.000.000 đồng. Bà T cũng nhất trí tính lại tiền lãi theo mức lãi suất 0,8%/tháng tính từ ngày vay tiền cho đến ngày 06/3/2021 là 36 tháng và trừ đi số tiền lãi mà bà T đã nhận. Tại giấy vay tiền ngày 05/3/2018 do bà K viết có ghi lãi suất do các bên thoả thuận nhưng tại quá trình giải quyết và tại phiên toà các bên đương sự không xác định được lãi suất cụ thể là bao nhiêu. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, thì mức lãi suất mà bà T đã nhận vượt quá quy định. Tuy nhiên, bà T đã yêu cầu tính lại lãi suất theo mức 0,8%/tháng trên số tiền gốc, thời gian tính từ 06/3/2018 đến 06/3/2021 là 36 tháng x 1.000.000.000 đồng x 0,8%/ tháng = 288.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi tám triệu đồng); trừ đi số tiền lãi 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) mà bà T đã nhận; số tiền lãi còn phải thanh toán là 208.000.000 đồng (Hai trăm linh tám triệu đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi của số tiền vay là đúng quy định nên cần giữ nguyên.

Như vậy, tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi mà bà K phải thanh toán cho bà T là 1.208.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm linh tám triệu đồng). Trường hợp bà K chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Tiêu Thị K, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Bà Tiêu Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được Toà án chấp nhận nhưng bà K là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Tiêu Thị K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được miễn do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Tiêu Thị K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 67/2021/DS-ST, ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố TQ như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị T.

- Buộc bà Tiêu Thị K có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng);* tiền lãi 208.000.000 đồng *(Hai trăm linh tám triệu đồng)*. Tổng cộng là 1.208.000.000 đồng *(Một tỷ hai trăm linh tám triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Bà Tiêu Thị K được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2021).

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND TP TQ;
- Chi cục THADS TP TQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Hà